TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1130/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thái Thục Hiền**

2. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Hồng Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1185/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Cẩm H, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Chung cư T, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh L, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Chung cư T, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Lâm Thị Cẩm H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh L chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 06 năm gần đây, do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L thường xuyên đánh và chửi bà trước mặt các con khi ông uống rượu. Hai bên đã nhiều lần trao đổi, giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng do vậy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/02/2019. Do hai con chung chưa thành niên và đang sống cùng với bà nên sau khi ly hôn Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phúc và trẻ Long, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Minh L có bản tự khai ngày 19/12/2022, ông trình bày ý kiến:

Ông L xác nhận ông và Bà H chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra từ năm 2022, lý do là sau dịch Covid kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn vất vả nên giữa vợ chồng có xảy ra tranh cãi. Trong lúc nóng giận, không kiềm chế, mất kiểm soát nên giữa vợ chồng xảy xô sát. Sau đó, ông nhận ra bản thân có lỗi nên đã xin lỗi vợ nên sinh hoạt gia đình giữa vợ chồng của ông vẫn bình thường. Ông cho rằng vợ ông thấy cuộc sống gia đình khó khăn nên mới yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa cho vợ chồng ông có thời gian hòa giải mâu thuẫn, suy nghĩ chín chắn.

Về con chung: Ông và Bà H có 02 con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/02/2019. Hiện nay, hai con của ông đều còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của cha mẹ.

Về tài sản chung: Ông L xác nhận ông và Bà H có tài sản chung là căn nhà số B Chung cư T Phường E, Quận H và căn nhà số C Chung cư T Phường E, Quận H. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông L trình bày ông và Bà H có Hợp đồng vay tại Ngân hàng Sacombank, và các khoản vay của người thân của ông. Nhưng ông không cung cấp được các tài liệu, giấy tờ thể hiện họ tên, địa chỉ của người cho vay, số tiền vay và các giấy nợ cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh về vấn đề nợ chung, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của Bà H, và không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - Bà Lâm Thị Cẩm H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – Ông Nguyễn Minh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lâm Thị Cẩm H và ông Nguyễn Minh L có đăng ký kết hôn, Bà H yêu cầu ly hôn với ông L, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Minh L hiện đang cư trú tại Quận H (Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Cẩm H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Minh L, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Trích lục kết hôn số 219/TLKH-BS ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, cùng lời khai của Bà H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà H: Trong quá trình chung sống, Bà H và ông L xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về vấn đề tình cảm và nhiều vấn đề trong cuộc sống chung, không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung nhưng không đạt

được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn phát sinh từ rất lâu, không thể giải quyết, Bà H xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà H và ông L đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông L đến Tòa để tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông L đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/02/2019. Do hai con chung tên Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh L chưa thành niên và đang sống cùng với Bà H; Bà H có công việc có thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc con nên sau khi ly hôn Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phúc và Long, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông L không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của Bà H. Ngoài ra, tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thì trẻ Phúc có nguyện vọng được sống chung với Bà H. Do đó, việc giao hai trẻ Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh L cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định pháp luật tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H và ông L đều xác định ông bà có tài sản chung là căn nhà số B Chung cư T Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số C Chung cư T Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông L cùng xác định ông bà có khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Tuy nhiên, ông L và Bà H không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay này cho Tòa án. Tòa án đã có văn bản yêu cầu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ý kiến về các khoản vay của ông L và Bà H tại ngân hàng nhưng Tòa không nhận được ý kiến phản hồi nào của Ngân hàng. Đồng thời, ông L và Bà H không có yêu cầu Tòa án giải

quyết về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết về nợ chung của ông L và Bà H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Cẩm H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Minh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Minh L (Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày ngày 24/11/2014).

- Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Minh P sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Minh L sinh ngày 12/02/2019. Giao cho bà Lâm Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh L. Ghi nhận việc Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Minh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lâm Thị Cẩm H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017666 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi

hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị Cẩm H, ông Nguyễn Minh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 04, TX.Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga